

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 91/2021/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 16 tháng 7 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025;*

*Xét Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2021-2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. Mục tiêu, chỉ tiêu, chương trình, dự án trọng điểm và các ngành, lĩnh vực đột phá

1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy ý chí, khát vọng vươn lên và sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực xã hội, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả các khâu đột phá chiến lược, các chương trình, dự án trọng điểm và các ngành, lĩnh vực mang tính đột phá. Đẩy mạnh tái cơ cấu

kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, thực hiện tốt các chính sách xã hội. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao của cả nước.

## 2. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2021-2025

### a) Các chỉ tiêu kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tính theo GRDP) bình quân là 7,5 - 8%;
- GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 là 85 - 90 triệu đồng;
- Cơ cấu kinh tế (tính theo GRDP): Nông nghiệp 15%; phi nông nghiệp 85%;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 123.700 tỷ đồng;
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 22.500 tỷ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm là 10 - 12%/năm;
- Số doanh nghiệp đăng ký mới từ 1.500 - 2.000 doanh nghiệp;
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 là 75,2%; đến năm 2025 có thêm 03 huyện nông thôn mới; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu là 25%;

### b) Các chỉ tiêu xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm từ 1 - 1,5%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2025 là 75 - 80%; trong đó có bằng cấp, chứng chỉ trên 33%;
- Số lao động được tạo việc làm mới bình quân hàng năm 12.000 lao động;
- Đến năm 2025, trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia: cấp mầm non 70%; cấp tiểu học 80%, cấp THCS 80%, cấp THPT 60%, trường phổ thông có nhiều cấp học 60%.
- 100% xã, phường, thị trấn duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập THCS.
- Đến năm 2025, đạt tỷ lệ 11 bác sĩ/1 vạn dân, 35 giường bệnh/1 vạn dân. Phấn đấu có 01 bệnh viện ngoài công lập đạt chuẩn quốc tế;
- Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đến năm 2025 là 98%;
- Tuổi thọ trung bình đến năm 2025 là 70 tuổi.

### c) Các chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2025 là 49,5%;
- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch ở thành thị đến năm 2025 là 97%;
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đến năm 2025 là 97,5%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị đạt 98% và tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở nông thôn đạt 70%.

### 3. Các chương trình, dự án trọng điểm và ngành, lĩnh vực đột phá

#### a) Các chương trình, dự án trọng điểm

- Hoàn thành đúng tiến độ và có chất lượng Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện và toàn tỉnh; Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Đông Hà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh quy hoạch Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; xây dựng Quy hoạch phát triển các khu đô thị ven biển; các quy hoạch theo quy định của pháp luật, phục vụ yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới.

- Hình thành Hành lang đường bộ và kinh tế từ cửa khẩu quốc tế La Lay về Mỹ Thủy và kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây. Nghiên cứu, xây dựng, triển khai một số trọng điểm kinh tế nhằm tạo thêm cực tăng trưởng mới.

- Triển khai một số dự án đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 được xác định trọng điểm về lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, giao thông, khu công nghiệp và khu kinh tế, kho tàng, công nghệ thông tin, văn hóa - xã hội, bảo vệ môi trường tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (Kèm theo danh mục dự án tại Phụ lục II).

- Khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, ưu tiên lựa chọn thu hút các dự án đầu tư triển khai vào các lĩnh vực như công nghiệp điện- năng lượng tái tạo, sản xuất-chế biến nông nghiệp; sản xuất, chế biến công nghiệp; xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, đô thị, hạ tầng dịch vụ- giáo dục- y tế và du lịch, thông tin- truyền thông (Kèm theo danh mục dự án tại Phụ lục III)

#### b) Các ngành, lĩnh vực đột phá

- Các ngành công nghiệp dựa trên lợi thế của địa phương như: công nghiệp năng lượng; công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản (nhất là công nghiệp chế biến gỗ); công nghiệp silicat; công nghiệp may mặc.

- Nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, canh tác tự nhiên, liên kết theo chuỗi giá trị.

- Một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, tiềm năng lớn và có khả năng cạnh tranh; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

## II. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với nhiệm vụ, giải pháp được Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các ý kiến của đại biểu tham gia tại kỳ họp. Đồng thời nhấn mạnh một số nhóm giải pháp cơ bản sau đây:

1. Tập trung hoàn thiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gắn với quy hoạch vùng huyện, thị xã Quảng Trị, thành phố Đông Hà, quy hoạch sử dụng đất, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành tạo định hướng chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh trong 5 đến 10 năm tới.

2. Đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên 3 trụ cột chính:

- Nông nghiệp là “bệ đỡ” của nền kinh tế. Phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tái cơ cấu nông nghiệp trên cơ sở phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hiệu quả, bền vững theo hướng hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ; phát triển nông nghiệp hữu cơ, công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, quy mô trang trại gắn với an toàn sinh học, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Chuyển đổi mạnh khai thác thủy sản xa bờ, ứng dụng công nghệ hiện đại. Duy trì vững chắc kết quả của các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới; hướng tới xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; hoàn thành mục tiêu xây dựng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới đề ra trong 5 năm 2021-2025.

- Công nghiệp, trong đó công nghiệp năng lượng là lĩnh vực đột phá. Phấn đấu khởi công Nhà máy điện khí LNG Hải Lăng giai đoạn 1 (1.500MW), chuẩn bị điều kiện để khởi công giai đoạn 2 (3.000MW). Tiếp tục đề nghị bổ sung các dự án điện gió khoảng 3.000MW- 4.000MW vào quy hoạch điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030; bổ sung dự án Hệ thống đường ống dẫn khí mỏ Kèn Bàu về Quảng Trị và nâng công suất Nhà máy xử lý khí tại Quảng Trị vào “Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035”; bổ sung vào Quy hoạch điện lực Quốc gia (Tổng sơ đồ điện VIII) các dự án nhiệt điện khí sử dụng nguồn khí từ mỏ Kèn Bàu để kêu gọi đầu tư. Quyết tâm phấn đấu để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng của miền Trung vào năm 2030. Quy hoạch và phát triển công nghiệp phụ trợ dọc Quốc lộ 15D, Quốc lộ 49 để gắn liền Khu kinh tế cửa khẩu La Lay với Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị và cảng biển Mỹ Thủy, hình thành nên Hành lang kinh tế (tuyến Xuyên Á thứ 2) song song với Hành lang kinh tế Đông Tây. Tiếp tục duy trì phát triển sản xuất các ngành công nghiệp có thế mạnh hiện có như công nghiệp năng lượng tái tạo, chế biến gỗ, gỗ MDF, chế biến sản phẩm cao su, cao su Camel, bia Hà Nội tại Quảng Trị, nước giải khát Super horse, dệt may, chế biến thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu du lịch, điểm du lịch, các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp. Phát triển du lịch lịch sử - chiến tranh cách mạng trở thành thương hiệu du lịch hòa bình của cả nước, xây dựng và định hình thương hiệu Lễ hội “Vì Hòa bình”. Phát triển du lịch gắn với phát triển thương mại - dịch vụ, phát triển sản phẩm chủ lực, thương hiệu của địa phương, hướng tới thương hiệu quốc gia; phát triển hệ thống chợ đầu mối, chợ nông thôn, chợ chuyên doanh, các trung tâm phân phối hàng hóa, trung tâm thương mại, siêu thị văn minh, hiện đại; phát triển hình thức dịch vụ tiếp vận trung chuyển hàng hóa Logistic gần khu vực cảng biển, vùng Đông Hà - Cam Lộ. Phấn đấu đưa Quảng Trị trở thành điểm trung chuyển hàng hóa của các nước trong khu vực vào năm 2030.

3. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng trên các lĩnh vực, tạo nền tảng cho phát triển xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và nâng cao đời sống nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa và đô thị, tạo động lực phát triển.

- Xây dựng Cảng Mỹ Thủy; Cảng hàng không sân bay Quảng Trị; Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây; dự án Quốc lộ 15D; cảng Cửa Việt bờ Nam; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1 về cảng Cửa Việt; mở rộng Quốc lộ 9 đoạn tránh phía Nam Đông Hà; đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông và đường Hồ Chí Minh nhánh Tây; cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, đường Hùng Vương nối dài giai đoạn 3; đường từ sân bay Quảng Trị đến đường trung tâm Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, Khu công nghiệp Quán Ngang, Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá và các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Xây dựng một số công trình hạ tầng thiết yếu tại Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo và khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay. Triển khai xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP 8), Khu công nghiệp đa ngành Triệu Phú.

- Phát triển hạ tầng đô thị hiện đại, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng các khu đô thị hiện đại. Phát triển đô thị ven biển. Ưu tiên đầu tư nguồn lực để thành phố Đông Hà đạt tiêu chí đô thị loại II trước năm 2025, phát triển thị xã Quảng Trị cơ bản đạt đô thị loại III gắn với việc quy hoạch và sắp xếp địa giới hành chính cấp huyện. Nâng cấp và xây dựng hệ thống cấp nước sạch phục vụ đô thị và khu vực nông thôn, các khu, cụm công nghiệp.

- Nâng cấp các công trình thủy lợi đảm bảo tưới tiêu chủ động; các công trình đê, kè phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; các khu neo đậu tránh trú bão, dịch vụ hậu cần nghề cá. Từng bước hoàn thành các tiêu chí về kết cấu hạ tầng trong xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển hạ tầng thương mại nông thôn; xã hội hóa đầu tư xây dựng và kinh doanh, khai thác có hiệu quả chợ nông thôn, chợ đầu mối, chợ nông sản, thủy hải sản.

Nghiên cứu, xây dựng Công viên Thống nhất; tôn tạo di tích Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn (giai đoạn 2); triển khai Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mêkông mở rộng (giai đoạn 2); nâng cấp di tích Thành Cổ, Địa đạo Vịnh Mốc (gđ2). Nghiên cứu xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện. Hoàn thành Đề án hệ thống y tế cơ sở; Đề án xóa phòng học tạm, phòng học mượn giai đoạn 2019-2021; Đề án phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4. Triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về: Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo và an sinh xã hội, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Đổi mới, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên đất đai, khoáng sản, nguồn đầu tư FDI, đầu tư tư nhân, kết hợp nâng cao hiệu quả tài chính công, đầu tư công, thu, chi ngân sách, kinh tế đối ngoại, gắn với phòng chống thiên tai, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Quản lý, phân bổ và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, khoáng sản. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về thể chế, chính sách, nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng, đất đai để tiếp nhận các dự án đầu tư. Mở rộng các hình thức đầu tư đối tác công tư, phát triển thị trường vốn, thị trường bất động sản, phát triển các hình thức liên doanh, liên kết đầu tư, góp vốn đầu tư bằng tài sản.

- Huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công. Khai thác nguồn vốn ngoài nhà nước để đầu tư xây dựng các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các công trình hạ tầng thiết yếu, quan trọng. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát thanh, truyền hình, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường.

- Phát triển kinh tế đối ngoại để thúc đẩy hội nhập Quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các địa phương, các doanh nghiệp của tỉnh với các đối tác nước ngoài. Đổi mới phương thức liên kết, phối hợp với các tỉnh trong khu vực và các địa phương trên Hành lang kinh tế Đông - Tây. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường xúc tiến kêu gọi đầu tư nước ngoài, viện trợ phi chính phủ. Tranh thủ sự ủng hộ và phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao và thương mại, đầu tư Việt Nam ở nước ngoài để thúc đẩy và khai thông cầu nối với các nhà đầu tư tiềm năng.

6. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa thể dục thể thao, giảm nghèo bền vững, chính sách đối với người có công, dân tộc, tôn giáo, an sinh xã hội. Xây dựng con người phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, đạo đức, tinh thần, năng lực sáng tạo, ý thức công dân và sự tuân thủ pháp luật.

7. Tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

- Thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Tổ chức thành công các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ, diễn tập phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn.

- Chủ động đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và các tệ nạn xã hội. Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm, Chiến lược quốc gia phòng chống kiểm soát ma túy. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hoá - tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh xã hội; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; bảo vệ tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị, xã hội, các mục tiêu trọng điểm.

8. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân; thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, kiến tạo sự phát triển, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp phục vụ nhân dân và doanh nghiệp.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2021./.

### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, Tài chính;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- TTTU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Báo QT, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm TH - CB tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đăng Quang**



**Phụ lục I**  
**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025**  
 (Kèm theo Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Kế hoạch 5 năm 2021-2025					Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
<b>I</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>								
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP)	%	6,45	6,5-7	7-7,5	7,5-8	8,5-9	9-9,5	7,5-8
-	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	3,49	2,5-3	2,5-3	3-3,5	3-3,5	3-3,5	3-3,5
-	<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	%	10,47	10-11	11,5-12	12-12,5	13-13,5	14-14,5	12-13
-	<i>Dịch vụ</i>	%	6,16	6-6,5	6-6,5	6,5-7	7-7,5	7,5-8	7-7,5
-	<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</i>	%	4,9	6-6,5	6,5-7	7-7,5	7-7,5	7-7,5	7-7,5
2	Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành)		100	100	100	100	100	100	100
-	<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	21,9	20,1	18,9	17,7	16,5	15,0	15,0
-	<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	%	25,5	26,5	27,5	28,8	30,1	31,6	31,6
-	<i>Dịch vụ</i>	%	48,2	48,8	48,9	48,8	48,5	48,1	48,1
-	<i>Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm</i>	%	4,4	4,6	4,7	4,7	4,9	5,3	5,3
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	Gấp 1,5 lần năm 2015	57,50	63-66	69-72	76-80	85-90	85-90
4	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng	14.348	3.600	3.900	4.400	5.000	5.600	22.500
-	<i>Thu nội địa tăng bình quân hàng năm</i>	%	15,6						10-12
5	Xuất, nhập khẩu hàng hóa								
-	Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	1.339,0	280,00	330,00	390,00	440,00	500,00	1.940,0



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Kế hoạch 5 năm 2021-2025					Mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	<i>Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu</i>	%	-8,5	12	18	18	13	14	15
-	Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	949,0	220,0	250,0	300,0	350,0	400,0	1.520,0
	<i>Tốc độ tăng kim ngạch nhập khẩu</i>	%	-12,32	10	13,64	20	16,67	14,29	14,54
6	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Tỷ đồng	70.869	22.000	22.900	24.500	26.300	28.000	123.700
-	<i>Tỷ trọng tổng vốn đầu tư toàn xã hội/GRDP</i>	%	61	60	57	55	52	50	50
7	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới	%	56,4	62,4	66,3	69,3	72,3	75,2	75,2
	Trong đó: Đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, nâng cao	%	2,9	2,9	6,9	10,9	15,8	25	25
8	Số doanh nghiệp thành lập mới	doanh nghiệp	1.734	450	250-350	270-370	290-390	310-410	1.500-2.000
<b>II CÁC CHỈ TIÊU VỀ XÃ HỘI</b>									
9	Dân số trung bình	nghìn người	637,0	640,0	643,3	646,3	649,3	652,0	652,5
10	Tỷ lệ tăng dân số	%	<1	1,0	1,0	0,9	0,9	0,8	<1
11	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,68	1-1,5	1-1,5	1-1,5	1-1,5	1-1,5	1-1,5
12	Tạo việc làm mới bình quân mỗi năm	lao động	11.763	11.000	12.000	12.000	12.500	12.500	12.000
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65,88	68,50	70,27	72,66	75,16	77,77	75-80
	<i>Trong đó có bằng cấp chứng chỉ</i>	%	31,0	32,0	32,5	33,0	33,5	34,0	>33
14	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	95,5	96,0	96,0	97,0	97,0	98	98
15	Tuổi thọ trung bình	tuổi	68,3	68,6	69,0	69,3	69,7	70	70





## Phu lục II

### DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ TỪ NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Danh mục dự án	Quy mô, địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư
<b>I</b>	<b>KINH TẾ - HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>			
<b>1</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>			
-	Trồng, bảo vệ, phát triển rừng và cơ sở hạ tầng phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	2022-2025	90.000
-	Kè chống xói lở khẩn cấp các đoạn sông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	GL, VL, TP, CL, ĐR, TXQT	2022-2025	95.000
<b>2</b>	<b>Công nghiệp</b>			
-	Cấp điện Đảo Cồn Cỏ, tỉnh Quảng Trị	Đảo Cồn Cỏ	2022-2025	627.000
-	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025	Vĩnh Linh, Hướng Hóa, Đakrông	2022-2025	60.000
<b>3</b>	<b>Giao thông</b>			
-	Đường Trần Nguyên Hãn (giai đoạn 2)	Đông Hà	2021-2024	201.210
-	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	Gio Linh	2021-2024	80.150
-	Cơ sở hạ tầng và giao thông đô thị thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	2022-2025	140.000
-	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển, hạ tầng Khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái (giai đoạn 1)	Vĩnh Linh	2022-2025	110.000
-	Hệ thống giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các vùng trọng điểm kinh tế của huyện Triệu Phong	Triệu Phong	2022-2025	140.000
-	Đường nối thị trấn Cam Lộ với các vùng trọng điểm kinh tế huyện Cam Lộ	Cam Lộ	2022-2025	140.000
-	Cầu Câu Nhi - Hải Tân, đường Thượng Xá - Trà Lộc (DH,50) và đường Thuận Đức - Lam Thủy - Phương Lang (DH.50a)	Hải Lăng	2022-2025	140.000
-	Nâng cấp đường 73 Đông (cũ), huyện Gio Linh	Gio Linh	2022-2025	80.000
-	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị	Vĩnh Linh	2021-2024	229.156
-	Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị	Gio Linh	2021-2024	233.103

TT	Danh mục dự án	Quy mô, địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư
-	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1	ĐH, TP, GL, VL	2021-2025	2.060.000
-	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị	Hướng Hóa, Đakrông	2021-2025	921.698
-	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi khí hậu, tiểu dự án Đông Hà	Đông Hà	2022-2025	1.149
<b>4</b>	<b>Khu công nghiệp và khu kinh tế</b>			
-	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	Hải Lăng	2023-2026	180.000
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (giai đoạn 2)	Hải Lăng	2020-2023	110.000
-	San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Đakrông	2021-2024	94.000
<b>5</b>	<b>Kho tàng</b>			
-	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	Đông Hà	2021-2024	50.194
<b>6</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>			
-	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	2021-2022	46.922
-	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	Toàn tỉnh	2022-2025	33.750
<b>II</b>	<b>VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>			
<b>1</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			
-	Xóa phòng học tạm, phòng học mượn, cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh và xây dựng Trường THPT Hướng Hóa	Toàn tỉnh	2022-2025	130.000
	Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất các cơ sở trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Trị giai đoạn 2022-2025			104.896
<b>2</b>	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>			
-	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh - Hạng mục: Trung tâm tâm thần kinh và hệ thống thiết bị xạ trị	Đông Hà	2021-2024	150.000
	Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện giai đoạn 2021 - 2025	Toàn tỉnh	2022-2024	82.630
<b>3</b>	<b>Văn hóa, thông tin</b>			
-	Bảo tồn, tôn tạo, nâng cấp các di tích lịch sử cách mạng trọng điểm của tỉnh (hạng mục: Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn, Bảo tàng Thành Cổ, địa đạo Vịnh Mốc)	Triệu Phong	2022-2025	101.250
-	Nhà văn hóa huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2021-2024	71.000

TT	Danh mục dự án	Quy mô, địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư
<b>4</b>	<b>Phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
-	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời của Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Trị	Đông Hà	2023-2026	33.750
<b>5</b>	<b>Bảo vệ môi trường</b>			
-	Đầu tư Xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2020-2025	Toàn tỉnh	2024-2027	45.000
<b>6</b>	<b>Bảo trợ xã hội</b>			
-	Xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội – phục hồi chức năng cho người khuyết tật của tỉnh Quảng Trị	Gio Linh	2022-2025	325.178

## Phụ lục III

## DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 91/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
<b>I</b>	<b>CÔNG NGHIỆP ĐIỆN - NĂNG LƯỢNG</b>				
1	Nhà máy điện tua bin khí chu trình hỗn hợp Quảng Trị	340 MW	57.500,00	FDI	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
2	Nhà máy điện khí tự nhiên BBG Quảng Trị	2.000 MW	50.600,00	100% vốn nhà đầu tư	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
3	Trung tâm khí BB gas Hải Lăng, Quảng Trị	Trung tâm hóa khí, kho khí trên bờ (kho chứa khí LNG 360.000m <sup>3</sup> ; kho chứa khí LPG 60.000 tấn); kho nổi; cầu cảng (1,5km) và hệ thống kỹ thuật tiếp khí vào bờ	69.000,00	100% vốn nhà đầu tư	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
4	Nhà máy điện khí tự nhiên BBG Hải Lăng	1.500MW	34.500,00	100% vốn nhà đầu tư	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
5	Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng, Quảng Trị	4.500 MW	103.500,00	Liên doanh, IPP	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
6	Nhà máy điện khí LNG Hải Lăng 1, Quảng Trị	1.500 MW	39.100,00	Liên doanh, IPP	Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị
7	Nhà máy sản xuất linh kiện, phụ tùng, thiết bị năng lượng mới và năng lượng tái tạo	10.000 đến 100.000 tấn sp/năm	115-920	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, Tây Bắc Hồ Xá; KKT TM ĐB Lao Bảo
8	Các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn	4.244 MW	97.359	100% vốn nhà đầu tư	Hướng Hóa, Đakrông, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Hải Lăng...
<b>II</b>	<b>SẢN XUẤT - CHẾ BIẾN NÔNG NGHIỆP</b>				

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
1	Nhà máy sản xuất rượu, bia, nước giải khát các loại	50 triệu lít sản phẩm các loại/năm	460-920	100% vốn nhà đầu tư	KKT Đông Nam; KCN Quán Ngang, KCN Tây Bắc Hồ Xá, KCN Nam Đông Hà; KKT TM ĐB Lao Bảo;
2	Nhà máy sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn chăn nuôi, gia súc, gia cầm	10.000 tấn sản phẩm/năm	115-345	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Nam Đông Hà, KCN Tây Bắc Hồ Xá
3	Nhà máy chế biến thực phẩm nông sản	10.000 tấn sản phẩm/năm	115-230	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Nam Đông Hà, KCN Tây Bắc Hồ Xá, KKT TM ĐB Lao Bảo
4	Xây dựng hệ thống tưới thông minh, tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây cà phê	Thực hiện tưới cho gần 5.000 ha cà phê, chủ động nguồn nước tưới, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng	230,00	FDI	Huyện Hướng Hóa
5	Dự án nuôi tôm công nghệ cao	150 ha	418,60	100% vốn nhà đầu tư	Xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
<b>III</b>	<b>SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÔNG NGHIỆP</b>				
1	Nhà máy chế biến gỗ công nghiệp, sản xuất chế biến các sản phẩm từ gỗ	20.000 đến 50.000 m <sup>3</sup> /năm	1.150-2.300	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Tây Bắc Hồ Xá; KKT TM ĐB Lao Bảo, KKT Đông Nam

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
2	Nhà máy chế tạo, lắp ráp thiết bị, động cơ ô tô, xe máy, máy nông nghiệp; chế tạo, lắp ráp các sản phẩm công nghiệp phụ trợ	Thiết bị, động cơ ô tô, xe máy, máy nông nghiệp, các sản phẩm công nghiệp phụ trợ: 200.000 sản phẩm/năm	115-1.150	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, KCN Nam Đông Hà, KCN Tây Bắc Hồ Xá; KKT TM ĐB Lao Bảo
<b>IV</b>	<b>CƠ SỞ HẠ TẦNG</b>				
1	Đầu tư và kinh doanh CSHT khu kinh tế Đông Nam (giai đoạn 1)	Diện tích 1.000 ha	4.600-5.060	100% vốn nhà đầu tư hoặc PPP	KKT Đông Nam
2	Dự án kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu KT-TM đặc biệt Lao Bảo	Diện tích 365 ha	2.300-2.760	100% vốn nhà đầu tư	KKT TM ĐB Lao Bảo
3	Cảng hàng không, sân bay Quảng Trị	Diện tích sử dụng đất: 594,78 ha; Sân bay dân dụng tiêu chuẩn cấp 4C, kết hợp sân bay quân sự cấp II với 1 đường băng cát, hạ cánh dài 2.400 - 3.000m đáp ứng cho tàu bay A320, A321 và các tàu bay quân sự	7.994 (giai đoạn 2020: 5.508; Giai đoạn 2030: 2.486)	Đối tác công tư PPP	KKT Đông Nam (Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị)
4	Hệ thống cấp nước sạch liên xã vùng Tây Gio Linh	Đạt sinh hoạt cho hơn 5.300 người	184,00	FDI	Các xã: Gio An, Gio Bình, Gio Sơn, Trung Sơn, Trung Hải huyện Gio Linh
5	Hệ thống cấp nước sạch liên xã vùng Đông Triệu Phong	Đạt sinh hoạt cho 11.000 người	230,00	FDI	Các xã: Triệu Ái, Triệu Long, Triệu Giang, Triệu Hòa, Triệu Đại, Triệu Phước, Triệu An, Triệu Vân, huyện Triệu Phong
6	Bến xe kết hợp dịch vụ tổng hợp khu vực Cửa Việt	Diện tích 4,15ha	148,35	PPP	Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị



TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
7	Quốc lộ 15D đoạn từ đường cao tốc Cam Lộ - La Sơn đến đường HỒ Chí Minh nhánh tây	Dài khoảng 34km, quy mô đường cấp IV miền núi, nền đường rộng 7,5m; mặt đường rộng 5,5m; TMĐT 1,790 tỷ đồng	1.840,00	PPP	Các huyện: Hải Lăng, Đakrông, tỉnh Quảng Trị
8	Cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo	70km	7.700,00	PPP	Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa
9	Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đoạn từ Vạn Ninh (Quảng Bình) đến Cam Lộ (Quảng Trị)	80km	7.000,00	PPP	Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh
10	Khu đô thị hai bên đường Thuận Châu	16ha	138,00	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Phường Đông Lương
11	Khu đô thị phía Đông Thành phố Đông Hà	110ha	890,10	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Phường 2, Phường Đông Lễ, Tp Đông Hà
12	Khu tổ hợp du lịch - dịch vụ - đô thị và sân Golf Cam Lộ	316 ha		Vốn nhà đầu tư	Cam Lộ
13	Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà	14,1 ha		Vốn nhà đầu tư	Đông Hà
14	Khu công nghiệp BBG Hải Lăng	1.000ha		100% vốn nhà đầu tư	KKT Đông Nam
<b>V</b>	<b>DỊCH VỤ - GIÁO DỤC - Y TẾ VÀ DU LỊCH</b>				
1	Khu dịch vụ – du lịch Làng Vây	Diện tích 10 - 20 ha	230-460	100% vốn nhà đầu tư	KKT TM ĐB Lao Bảo
2	Cơ sở giáo dục, đào tạo nghề tổng hợp	Đào tạo nghề cho 20.000 lao động	115-460	100% vốn nhà đầu tư	KKT TM ĐB Lao Bảo, KKT Đông Nam
3	Thu hút đầu tư vào bãi tắm Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	6,5 ha	690	NSNN + xã hội hóa	Thị trấn Cửa Tùng
4	Dự án Chợ và Khu phố chợ Phường 5	3ha	246,33	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	Phường 5, Tp Đông Hà

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
5	Khu dịch vụ - du lịch Vĩnh Thái	137 ha: - Khu dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp: 55 ha - Khu dịch vụ tổng hợp du lịch: 18 ha - Khu dịch vụ du lịch phổ thông: 27ha - Khu đô thị du lịch mới 37ha	3.243,00	Vốn nhà đầu tư	Xã Vĩnh Thái, huyện Vĩnh Linh
6	Khu dịch vụ du lịch dọc tuyến đường ven biển Cửa Tùng - Cửa Việt - Vĩnh Mốc	187 ha: - Khu DV-DL tổng hợp Gio Hải: 20ha - Khu nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp Giang Hải: 42 ha - Khu DV-DL Cang Gián: 45 ha - Khu DV-DL tổng hợp Thủy Bạt: 25 ha - Khu DV-DL Cửa Tùng - Vĩnh Mốc: 100 ha	3.910,00	Vốn nhà đầu tư	Xã Gio Hải, huyện Gio Linh; Xã Trung Giang và Gio Hải, huyện Gio Linh; Xã Trung Giang, huyện Gio Linh; Xã Vĩnh Thạch, huyện Vĩnh Linh
7	CSHT du lịch đảo Cồn Cỏ	50 ha: - Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp biển đảo; - Dịch vụ du lịch: vận tải khách du lịch bằng đường biển, đường hàng không; thể thao biển, lặn biển; - Hạ tầng kỹ thuật cấp điện, cấp nước	1.150,00	Vốn nhà đầu tư	huyện đảo Cồn Cỏ

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư dự kiến	Vốn đầu tư dự kiến (Tỷ đồng)	Hình thức đầu tư	Địa điểm
8	Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh	Khu vui chơi giải trí, ngắm cảnh, dịch vụ du lịch; bảo vệ cảnh quan và môi trường sinh thái quy mô 200ha	460,00	Vốn nhà đầu tư	Xã Vĩnh Hiền, Vĩnh Hoàn, huyện Vĩnh Linh
9	Khu du lịch sinh thái suối nước nóng Klu	Khu du lịch tổng hợp 7,5ha	220,00	Vốn nhà đầu tư	Xã Đakrông, huyện Đakrông
10	Khu dịch vụ - du lịch sinh thái biển Mỹ Thủy	Xây dựng CSHT kỹ thuật, khu nghỉ dưỡng hiện đại; Khu dịch vụ du lịch cộng đồng khoảng 100ha	1.150,00	Vốn nhà đầu tư	Xã Hải An, huyện Hải Lăng
	Công viên Thống Nhất tại Khu di tích quốc gia đặc biệt đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải	50ha	350,00	Vốn nhà đầu tư	Di tích quốc gia đặc biệt Đôi bờ Hiền Lương - Bến Hải
<b>VI</b>	<b>THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG</b>				
1	Xây dựng Nhà máy chế tạo, lắp ráp sản phẩm điện tử, viễn thông kỹ thuật số	1000 sản phẩm/năm	115,00	100% vốn nhà đầu tư	KCN Quán Ngang, Gio Linh; KKT Đông Nam